



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

BẢN SAO

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ – XÂY LẬP
VIỄN THÔNG BẠC LIÊU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

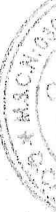
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

SVC SVC SVC SVC SVC
SVC SVC SVC SVC SVC

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ – XÂY LẬP
VIỄN THÔNG BẠC LIÊU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 – 7
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	8 – 9
- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIÊN THÔNG BẠC LIÊU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2018 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Nguyễn Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Văn Thuận	Thành viên
- Ông Nguyễn Hồng Nghi	Thành viên

Trong năm 2018, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2018 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Phan Tấn Hùng	Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Lê Phước Lộc	Thành viên

Trong năm 2018, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với các thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm 2018 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Nguyễn Hồng Nghi	Giám đốc

Trong năm 2018, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với thành viên Ban Giám đốc.

4. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 87, đường Bà Triệu, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

5. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900297122 đăng ký lần đầu ngày 16/12/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/06/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Thi công các công trình lưới điện;
- Trang thiết bị các công trình xây dựng: điều hòa không khí, điện trong nhà và các trang thiết bị khác, trụ anten các loại;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng kết cấu công trình, hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi, tái lập mặt đường;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, bê tông, các sản phẩm khác từ xi măng, vữa và các cấu kiện chuyên ngành bưu chính viễn thông;
- Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự án đầu tư thi công xây lắp, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình: bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình;
- Giám sát thi công các công trình bưu chính viễn thông;
- Kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Kinh doanh nội địa, xuất nhập khẩu các vật tư thiết bị bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình, hệ thống tự động, bảo vệ, báo động, báo cháy, chống sét, tin học, điện tử và các phụ kiện;
- Xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công trình công cộng;
- Kinh doanh các dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh các dịch vụ viễn thông, thương mại điện tử;
- Đại lý bưu điện;
- Cung cấp các dịch vụ, các phương tiện vận tải đường bộ;
- Cung cấp các dịch vụ, các phương tiện vận tải đường thủy
- Cung ứng lao động tạm thời.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 bao gồm các hoạt động sau: Tư vấn, thiết kế, lập dự án đầu tư thi công xây lắp, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình: bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 8 đến trang 26.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	180.978.763 VND
- Lỗ khác	(23.139.033) VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	157.839.730 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	- VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	- VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế	157.839.730 VND

Do Công ty còn đang trong giai đoạn chuyển lỗ nên không có thu nhập chịu thuế.

Doanh thu năm 2018 giảm mạnh so với năm 2017 số tiền 5.564.787.013 đồng, tương ứng 66,00%. Dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2018 giảm so với năm 2017 là 324.144.952 đồng, tương ứng 67,25%. Nguyên nhân chủ yếu là do năm 2018 không tiếp tục ký được hợp đồng cung ứng dịch vụ lao động hỗ trợ kỹ thuật cho Viễn Thông Bạc Liêu như những năm trước đây và doanh thu từ việc thi công các trạm BTS sụt giảm do chính sách đầu tư của chủ đầu tư bị cắt giảm.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

8. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

11. Phê duyệt báo cáo tài chính

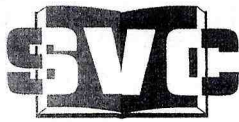
Hội đồng quản trị công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bạc Liêu, ngày 29 tháng 01 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN CHÍ DŨNG



Số: 08/2019/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây lắp Viễn thông Bạc Liêu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây lắp Viễn thông Bạc Liêu ("Công ty") được lập ngày 18 tháng 01 năm 2019, từ trang 8 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax : (84-028) 3553 3732
Email : saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ,
P.Hưng Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel : (0292) 3765 999 * Fax: (0292) 3765 766 * Email : svc-ct@vnn.vn

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi đã không thể tham gia quan sát kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho tại ngày 31/12/2018 vì tại thời điểm đó do những hạn chế về phía Công ty nên chúng tôi không thể tham gia kiểm kê. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm tra tính đúng đắn của số dư tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho thực tế tại thời điểm nêu trên.
- Đến thời điểm phát hành bản báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác, phải trả người bán ngắn hạn và vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2018 với số tiền lần lượt là 821.655.436 đồng, 984.121.136 đồng, 5.885.263.296 đồng, 304.238.095 đồng và 1.886.805.000 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm chứng được tính có thực và đầy đủ của số dư các khoản công nợ nêu trên.
- Như đã nêu tại điểm 2(c), mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư phải thu lại tiền cổ tức đã chi cho các cá nhân năm 2008 là 127.400.000 đồng. Tuy nhiên, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008 của Công ty bị lỗ và đến thời điểm phát hành bản báo cáo này Công ty vẫn chưa thu hồi lại được khoản cổ tức đã chi này nên đây có thể xem là một khoản tổn thất khó thu hồi của Công ty.
- Như đã nêu tại điểm 2(c), mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư phải thu về cổ phần hóa tại ngày 31/12/2018 là 110.861.396 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành bản báo cáo này việc quyết toán vốn Nhà nước liên quan đến việc cổ phần hóa của Công ty đã hoàn thành nên đây là một khoản chi phí mà giai đoạn Công ty cổ phần phải có trách nhiệm xử lý.
- Như đã nêu tại điểm 2(c), mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư lãi phạt chậm nộp bảo hiểm đến ngày 31/12/2018 là 83.664.198 đồng chưa được Công ty ghi nhận vào chi phí kinh doanh năm 2018. Kết quả làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế tăng lên một khoản tương ứng.
- Như đã nêu tại điểm 2(e), mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, tổng số dư nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2018 là 4.214.891.389 đồng. Đây là các khoản nợ quá hạn, khó đòi, phát sinh đã lâu nhưng chưa thu hồi được. Trong đó, Công ty đã trích lập dự phòng vào chi phí kinh doanh các năm trước số tiền 147.373.460 đồng, số còn lại chưa trích lập là 4.067.517.929 đồng. Kết quả làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế tăng lên một khoản tương ứng.
- Như đã nêu tại điểm 2(f), mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư tài sản thiếu chờ xử lý tại ngày 31/12/2018 là 1.199.778.766 đồng. Đây là khoản chênh lệch thiếu vật tư, hàng hóa khi kiểm kê, chênh lệch cổ tức phải trả và công nợ phải thu của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Số dư của các khoản tài sản thiếu chờ xử lý nêu trên đã phát sinh kể từ khi cổ phần hóa nhưng đến nay vẫn chưa xử lý được nên theo ý kiến của chúng tôi thì đây có thể xem là một khoản tổn thất khó thu hồi.

- Như đã nêu tại điểm 3(g), mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư công cụ, dụng cụ và hàng hóa tồn kho tại ngày 31/12/2018 được nhận bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước khi chuyển sang cổ phần hóa là 447.228.850 đồng. Các công cụ, dụng cụ và hàng hóa tồn kho này đến nay đã bị hư hỏng, lỗi thời, không còn khả năng sử dụng nhưng Công ty chỉ mới trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho vào chi phí kinh doanh số tiền 32.162.038 đồng, số còn lại chưa trích lập là 415.066.812 đồng. Kết quả làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế tăng lên một khoản tương ứng.
- Như đã nêu tại điểm 6, mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư thuế giá trị gia tăng phải nộp tại ngày 31/12/2018 là 3.792.547.921 đồng. Đây là số thuế giá trị gia tăng phát sinh đã nhiều năm. Theo quy định của Luật quản lý thuế, số thuế giá trị gia tăng phải nộp nêu trên sẽ bị phạt chậm nộp. Tuy nhiên, vấn đề này sẽ tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền nên chúng tôi không đưa ra ý kiến về vấn đề này.
- Ngoài ra, như đã nêu tại điểm 6, mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 41/TB-CT ngày 20/04/2018 của Cục thuế tỉnh Bạc Liêu, tiền thuê đất phải nộp năm 2018 là 129.364.092 nhưng Công ty mới nộp và hạch toán vào chi phí kinh doanh số tiền 64.682.046, số còn lại chưa ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm là 64.682.046 đồng. Kết quả làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế tăng lên một khoản tương ứng.
- Như đã nêu tại điểm 9, mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư vay ngắn hạn của Bà Ngô Kim Anh tại ngày 31/12/2018 là 250.000.000 đồng. Khoản vay này được Công ty vay với lãi suất là 18%/năm, cao hơn lãi suất quy định của ngân hàng để được tính vào chi phí được trừ là 4,5%/năm.
- Trong năm 2018, Công ty chưa dự chi khoản chi phí lãi vay cá nhân phải trả trên tổng số dư nợ vay cá nhân là 1.886.805.000 đồng vào chi phí tài chính trong năm với số tiền theo ước tính của chúng tôi là 201.000.000 đồng. Ngoài ra, Công ty đã hoàn nhập khoản chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Bạc Liêu giảm chi phí kinh doanh trong năm số tiền 105.350.000 đồng. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được các hồ sơ, chứng từ để chứng minh nghĩa vụ không phải trả liên quan đến khoản chi phí lãi vay phải trả nêu trên, do vậy đây vẫn là một khoản phải trả Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán. Việc không ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay phải trả nêu trên làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế tăng lên một khoản tương ứng.
- Với những vấn đề loại trừ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2018 do Công ty chưa ghi nhận đầy đủ và hoàn nhập thừa chi phí kinh doanh theo quy định nêu trên, kết quả làm cho kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty lãi 157.839.730 đồng thay vì lỗ 5.248.258.390 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây lắp Viễn thông Bạc Liêu tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi không phủ nhận tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, nhưng chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính rằng: Đến thời điểm ngày 31/12/2018, vốn chủ sở hữu của Công ty chỉ còn 1.592.386.708 đồng, chiếm 44,50% vốn điều lệ thực góp trong khi chi phí còn chưa ghi nhận đủ số tiền 5.406.098.120 đồng. Nếu Công ty hạch toán đủ khoản chi phí nêu trên thì vốn chủ sở hữu sẽ bị âm số tiền là 3.813.711.412 đồng. Trong tương lai, Công ty vẫn còn tiếp tục hoạt động liên tục hay không phụ thuộc vào sự tài trợ của các nhà đầu tư, khách hàng, ngân hàng và vào sự thành công trong chính sách kinh doanh của Ban điều hành Công ty.



Nguyễn Quang Nhơn, Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2018-107-1
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Lê Thị Hồng Phương, Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3578-2016-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

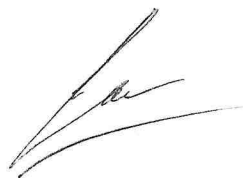
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.753.009.019	10.119.587.766
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	196.457.108	74.393.062
1. Tiền	111		196.457.108	74.393.062
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	9.141.485.099	9.272.172.153
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		821.655.436	1.617.945.490
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		984.121.136	984.121.136
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		75.658.631	75.658.631
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		6.207.644.590	5.542.041.590
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(147.373.460)	(147.373.460)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.199.778.766	1.199.778.766
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.3	415.066.812	773.022.551
1. Hàng tồn kho	141		447.228.850	805.184.589
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.162.038)	(32.162.038)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.718.052	97.320.102
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		60.218.052	93.195.102
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	60.218.052	93.195.102
- Nguyên giá	222		2.710.342.549	2.710.342.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.650.124.497)	(2.617.147.447)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	-
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		5.500.000	4.125.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.500.000	4.125.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.818.727.071	10.216.907.868

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.226.340.363	8.782.360.890
I. Nợ ngắn hạn	310		8.226.340.363	8.639.216.678
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.5	304.238.095	551.820.595
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.5	-	93.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.6	3.849.402.821	3.860.337.706
4. Phải trả người lao động	314		103.600.171	345.600.171
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.7	1.852.566.166	1.714.154.905
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.8	230.828.532	380.903.723
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9	1.886.805.000	1.694.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.100.422)	(1.100.422)
II. Nợ dài hạn	330		-	143.144.212
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	143.144.212
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.592.386.708	1.434.546.978
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	1.592.386.708	1.434.546.978
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.500.000.000	3.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.500.000.000	3.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.962.634.556	1.962.634.556
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		111.717.229	111.717.229
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.981.965.077)	(4.139.804.807)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.139.804.807)	(4.621.789.489)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		157.839.730	481.984.682
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.818.727.071	10.216.907.868



Lê Phước Lộc
Người lập



Nguyễn Tứ Vinh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Nghi
Giám đốc


Bạc Liêu, ngày 18 tháng 01 năm 2019

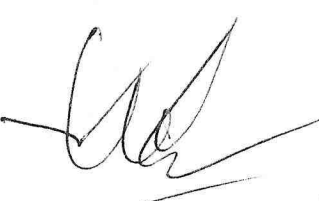
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY LẬP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

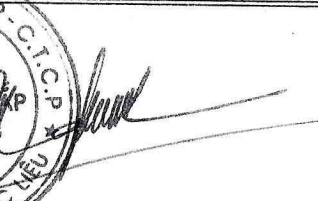
Mẫu số : B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.850.609.139	8.431.759.786
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.850.609.139	8.431.759.786
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	1.769.898.576	6.768.690.839
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	1.080.710.563	1.663.068.947
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		122.194	286.232
7. Chi phí tài chính	22		8.571.619	23.144.212
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.571.619	23.144.212
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.2	891.282.375	1.184.749.330
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		180.978.763	455.461.637
11. Thu nhập khác	31		49.090.908	32.727.276
12. Chi phí khác	32		72.229.941	6.204.231
13. Lợi nhuận khác	40		(23.139.033)	26.523.045
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.6	157.839.730	481.984.682
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.4	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.5	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.6	157.839.730	481.984.682
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	451	1.377
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-


Lê Phước Lộc
 Người lập


Nguyễn Tứ Vinh
 Kế toán trưởng


Nguyễn Hồng Nghi
 Giám đốc
 Bạc Liêu, ngày 18 tháng 01 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3.858.267.754	9.558.132.098
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.848.697.080)	(3.709.384.041)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(328.074.792)	(3.002.817.474)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(8.571.619)	(23.144.212)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	160.824.554	1.060.814.277
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.761.345.559)	(3.448.636.545)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	72.403.258	434.964.103
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	380.000.000	400.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(330.339.212)	(962.355.788)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	49.660.788	(562.355.788)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	122.064.046	(127.391.685)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	74.393.062	201.784.747
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	196.457.108	74.393.062

Lê Phước Lộc
Người lập

Nguyễn Tứ Vinh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Nghi
Giám đốc

Bạc Liêu, ngày 18 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẮP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây lắp Viễn thông Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900297122 đăng ký lần đầu ngày 16/12/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/06/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 3.500.000.000, bao gồm:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	168.000	1.680.000.000	48,00%
- Các cổ đông khác	182.000	1.820.000.000	52,00%
Cộng	350.000	3.500.000.000	100,00%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 là 3.500.000.000, phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, tư vấn, thiết kế.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Thi công các công trình lưới điện;
- Trang thiết bị các công trình xây dựng: điều hòa không khí, điện trong nhà và các trang thiết bị khác, trụ anten các loại;
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng kết cấu công trình, hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi, tái lập mặt đường;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, bê tông, các sản phẩm khác từ xi măng, vữa và các cấu kiện chuyên ngành bưu chính viễn thông;
- Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự án đầu tư thi công xây lắp, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình: bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình;
- Giám sát thi công các công trình bưu chính viễn thông;
- Kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Kinh doanh nội địa, xuất nhập khẩu các vật tư thiết bị bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình, hệ thống tự động, bảo vệ, báo động, báo cháy, chống sét, tin học, điện tử và các phụ kiện;
- Xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công trình công cộng;
- Kinh doanh các dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh các dịch vụ viễn thông, thương mại điện tử;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẮP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Đại lý bưu điện;
- Cung cấp các dịch vụ, các phương tiện vận tải đường bộ;
- Cung cấp các dịch vụ, các phương tiện vận tải đường thủy.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 bao gồm các hoạt động sau: Tư vấn, thiết kế, lập dự án đầu tư thi công xây lắp, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình: bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 87, đường Bà Triệu, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có.

Thông tin về công ty con và công ty liên kết: không có.

7. Thông tin so sánh: Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. **Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng:** không có.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản thu phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

4. **Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Tuy nhiên, giá trị vật tư, hàng hóa tồn kho tại ngày 31/12/2018 đã bị hư hỏng, lỗi thời nhưng chưa được Công ty trích lập dự phòng vào chi phí kinh doanh số tiền 415.066.812.

5. **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	18 năm
- Máy móc, thiết bị	Hết khấu hao
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Hết khấu hao
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hết khấu hao

6. Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2018, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 có quy định "Nếu lợi nhuận chưa tính lương thấp hơn 542 triệu đồng thì quỹ tiền lương năm 2018 bằng 50% lợi nhuận đó nhưng không thấp hơn 240 triệu đồng. Nếu lợi nhuận chưa tính lương cao hơn 542 triệu đồng thì quỹ lương năm 2018 được hưởng thêm 40% từ phần lợi nhuận vượt đó". Lợi nhuận chưa tính lương năm 2018 thấp hơn 542 triệu nên Công ty đã trích quỹ lương vào chi phí với tổng số tiền 240.000.000.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí tư vấn, giám sát, chi phí thi công công trình... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản phải nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm 2018, không có khoản chi phí đi vay nào cần được vốn hóa.

13. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Năm 2018, Công ty còn đang trong quá trình bù lỗ các năm trước nên không có lợi nhuận để phân phối.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận căn cứ vào báo cáo khối lượng xây lắp đã hoàn thành và nghiệm thu hoặc báo cáo quyết toán.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 20%.

Năm 2018, Công ty vẫn còn đang trong quá trình chuyển lỗ nên không có thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2018, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

18. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	172.211.056	62.467.580
Tiền gửi ngân hàng	24.246.052	11.925.482
Cộng	196.457.108	74.393.062

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	821.655.436 (a)	1.617.945.490
Trả trước cho người bán ngắn hạn	984.121.136 (b)	984.121.136
Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	75.658.631	75.658.631

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIỆN THÔNG BẠC LIÊU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phải thu ngắn hạn khác	6.207.644.590	5.542.041.590
- Phải thu ngắn hạn khác	4.403.197.515 (c)	3.854.597.515
- Tam ứng	1.804.447.075 (d)	1.687.444.075
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(147.373.460) (e)	(147.373.460)
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.199.778.766 (f)	1.199.778.766
Cộng	<u>9.141.485.099</u>	<u>9.272.172.153</u>

(a) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

Khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bưu điện tỉnh Bạc Liêu	191.651.277	191.651.277
- Viễn thông Bạc Liêu	190.344.018	986.634.072
- Các khách hàng khác	439.660.141	439.660.141
Cộng	<u>821.655.436</u>	<u>1.617.945.490</u>

(b) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

Người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyễn Tuấn Khải	674.150.000	674.150.000
- Nguyễn Kim Huệ	257.267.000	257.267.000
- Các nhà cung cấp khác	52.704.136	52.704.136
Cộng	<u>984.121.136</u>	<u>984.121.136</u>

(c) Chi tiết số dư phải thu khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu tiền trợ cấp bảo hiểm, ốm đau	455.700	455.700
- Phải thu về cổ phần hóa	110.861.396	110.861.396
- Phải thu lại tiền cổ tức cá nhân đã chi năm 2008	127.400.000	127.400.000
- Lãi chậm nộp bảo hiểm	83.664.198	83.664.198
- Phải thu lại tạm ứng của nhân viên đã nghỉ việc	1.744.481.241	1.509.988.241
- Các khoản phải thu khác	2.336.334.980	2.022.227.980
Cộng	<u>4.403.197.515</u>	<u>3.854.597.515</u>

(d) Chi tiết số dư tạm ứng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vương Tiến Sơn	701.640.875	701.640.875
- Nguyễn Tứ Vinh	454.867.200	410.867.200
- Nguyễn Minh Thuận	271.790.000	313.400.000
- Nguyễn Hồng Nghi	231.000.000	156.000.000
- Lê Phước Lộc	139.536.000	105.536.000
- Trịnh Thái Tam Tài	3.013.000	-
- Nguyễn Minh Trường	2.600.000	-
Cộng	<u>1.804.447.075</u>	<u>1.687.444.075</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(e) Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/12/2018 theo tuổi nợ như sau:

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số phải lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
- Nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	334.750.000	50%	167.375.000	-	167.375.000
- Nợ quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	496.896.731	70%	347.827.712	-	347.827.712
- Nợ quá hạn trên 3 năm	3.699.688.677	100%	3.699.688.677	147.373.460	3.552.315.217
Cộng	4.531.335.408		4.214.891.389	147.373.460	4.067.517.929

Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/12/2018 theo khoản mục nợ như sau:

	Nợ khó đòi	Số phải lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
- Phải thu khách hàng	630.861.774	547.593.155	147.373.460	400.219.695
- Trả trước cho người bán	706.260.838	706.260.838	-	706.260.838
- Tạm ứng	2.211.629.116	2.209.709.116	-	2.209.709.116
- Phải thu khác	982.583.680	751.328.280	-	751.328.280
Cộng	4.531.335.408	4.214.891.389	147.373.460	4.067.517.929

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	147.373.460	147.373.460
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	147.373.460	147.373.460

(f) Chi tiết số dư tài sản thiếu chờ xử lý như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vật tư, hàng hóa thiếu khi kiểm kê	665.650.375	665.650.375
- Chênh lệch cổ tức phải trả cho Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	317.466.047	317.466.047
- Chênh lệch công nợ phải thu của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	216.662.344	216.662.344
Cộng	1.199.778.766	1.199.778.766

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ trong kho	7.450.000 (g)	7.450.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	357.955.739

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIỆN THÔNG BẠC LIÊU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Hàng hóa tồn kho	439.778.850 (g)	439.778.850
Cộng giá gốc hàng tồn kho	447.228.850	805.184.589
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.162.038)	(32.162.038)
Cộng	415.066.812	773.022.551

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(g) Đây là giá trị công cụ, dụng cụ, hàng hóa tồn kho nhận bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước khi chuyển sang cổ phần hóa. Các công cụ, dụng cụ và hàng hóa tồn kho này đến nay đã bị hư hỏng, lỗi thời, không còn khả năng sử dụng nhưng chưa được Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầy đủ theo quy định

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	2.710.342.549	-	-	2.710.342.549
- Nhà cửa, vật kiến trúc	596.940.480	-	-	596.940.480
- Máy móc, thiết bị	939.911.850	-	-	939.911.850
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.103.484.614	-	-	1.103.484.614
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	70.005.605	-	-	70.005.605
Hao mòn lũy kế	2.617.147.447	32.977.050	-	2.650.124.497
- Nhà cửa, vật kiến trúc	503.745.378	32.977.050	-	536.722.428
- Máy móc, thiết bị	939.911.850	-	-	939.911.850
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.103.484.614	-	-	1.103.484.614
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	70.005.605	-	-	70.005.605
Giá trị còn lại	93.195.102			60.218.052
- Nhà cửa, vật kiến trúc	93.195.102			-
- Máy móc, thiết bị	-			-
- PT vận tải, TB truyền dẫn	-			-
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	-			-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 60.218.052
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.113.402.069.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có.
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2018 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Trích khấu hao vào chi phí kinh doanh trong năm	32.977.050
Cộng	32.977.050

5. Phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	304.238.095 (h)	551.820.595
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	93.500.000
Cộng	304.238.095	645.320.595

(h) Chi tiết số dư phải trả người bán ngắn hạn như sau:

Người bán	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH MTV Lưới điện Hoàng Vỹ	105.000.000	105.000.000
- Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Việt Dũng	63.400.000	208.390.000
- Các nhà cung cấp khác	135.838.095	238.430.595
Cộng	304.238.095	551.820.595

6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	3.803.482.806	191.465.115	202.400.000	3.792.547.921
- Thuế thu nhập cá nhân	56.854.900	-	-	56.854.900
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	-	64.682.046	64.682.046	-
Cộng	3.860.337.706	256.147.161	267.082.046	3.849.402.821

(*) Theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 41/TB-CT ngày 20/04/2018 của Cục thuế tỉnh Bạc Liêu, tiền thuê đất phải nộp năm 2018 là 129.364.092 nhưng Công ty mới nộp và hạch toán vào chi phí kinh doanh số tiền 64.682.046.

7. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí công trình	1.852.566.166	1.608.804.905
- Chi phí lãi vay	-	105.350.000
Cộng	1.852.566.166	1.714.154.905

8. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	75.458.989	75.458.989
- Kinh phí công đoàn	18.576.521	24.973.614

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- BHXH, BHYT, BHTN	111.053.965	255.461.291
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25.739.057	25.009.829
Cộng	230.828.532	380.903.723

9. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	1.676.000.000	1.694.000.000
- Vay cá nhân – Ngô Tú Trọng	1.300.000.000	1.300.000.000
- Vay cá nhân – Ngô Kim Anh (**)	250.000.000	250.000.000
- Vay cá nhân – Thái Phước Đại	126.000.000	144.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	210.805.000	-
- Vay cá nhân – Phạm Minh Thông	210.805.000	-
Cộng	1.886.805.000	1.694.000.000

(**) Khoản vay cá nhân này được Công ty vay từ năm 2013 đến nay với lãi suất là 18%/năm, cao hơn lãi suất quy định của ngân hàng để được tính vào chi phí được trừ là 4,5%/năm.

10. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	1.962.634.556	-	-	1.962.634.556
- Quỹ đầu tư phát triển	111.717.229	-	-	111.717.229
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(4.621.789.489)	481.984.682	-	(4.139.804.807)
Cộng	952.562.296	481.984.682	-	1.434.546.978

(b) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	1.962.634.556	-	-	1.962.634.556
- Quỹ đầu tư phát triển	111.717.229	-	-	111.717.229
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(4.139.804.807)	157.839.730	-	(3.981.965.077)
Cộng	1.434.546.978	157.839.730	-	1.592.386.708

(c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	168.000	1.680.000.000	48,00%
- Các cổ đông khác	182.000	1.820.000.000	52,00%
Cộng	350.000	3.500.000.000	100,00%

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có.
Số lượng cổ phiếu quỹ: không có.

(d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	3.500.000.000	3.500.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	3.500.000.000	3.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(e) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán trên cổ phiếu thường: không có.

(f) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	350.000	350.000
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	350.000	350.000
▪ Cổ phiếu thường	350.000	350.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	350.000	350.000
▪ Cổ phiếu thường	350.000	350.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	350.000	350.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

(a) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm trước*

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.431.759.786	6.768.690.839	1.663.068.947	19,72%
Cộng	8.431.759.786	6.768.690.839	1.663.068.947	19,72%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIỆN THÔNG BẠC LIÊU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay*

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.850.609.139	1.769.898.576	1.080.710.563	37,91%
Cộng	2.850.609.139	1.769.898.576	1.080.710.563	37,91%

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	404.340.511	632.353.175
- Chi phí vật liệu quản lý	11.616.364	27.161.227
- Chi phí đồ dùng văn phòng	4.125.000	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	32.977.050	32.977.050
- Thuế, phí và lệ phí	70.682.046	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	245.661.025	288.000
- Chi phí bằng tiền khác	121.880.379	491.969.878
Cộng	891.282.375	1.184.749.330

3. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.769.898.576	6.768.690.839
- Chi phí nhân công	404.340.511	632.353.175
- Chi phí đồ dùng	15.741.364	27.161.227
- Chi phí khấu hao TSCĐ	32.977.050	32.977.050
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	250.000
- Chi phí bằng tiền khác	438.223.450	491.969.878
Cộng	2.661.180.951	7.953.402.169

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các việc hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

6. Phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2018	(4.139.804.807)
Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2018	157.839.730
Điều chỉnh các khoản tăng thu nhập chịu thuế	38.105.334
- Lãi chậm nộp bảo hiểm	13.758.056
- Phạt vi phạm theo Quyết định của Thanh tra tỉnh Bạc Liêu	24.347.278
Chuyển lỗ năm 2013	195.945.064
Lợi nhuận chịu thuế năm tài chính 2018	-
Trừ: - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2018	157.839.730
Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2018	(3.981.965.077)
<i>Trong đó: Lỗ năm 2014 được phép chuyển lỗ đến năm 2019</i>	<i>(558.159.888)</i>
<i>Lỗ năm 2015 được phép chuyển lỗ đến năm 2020</i>	<i>(77.976.293)</i>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận sau thuế	157.839.730	481.984.682
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	350.000	350.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	451	1.377

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY LẬP VIÊN THÔNG BẠC LIÊU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty còn đang trong quá trình bù lỗ nên lợi nhuận sau thuế không được trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu tính trên toàn bộ lợi nhuận sau thuế.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
3. Thông tin về các bên có liên quan: không có
4. Thông tin so sánh: Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.
5. Thông tin về hoạt động liên tục:

Đến thời điểm ngày 31/12/2018, vốn chủ sở hữu của Công ty chỉ còn 1.592.386.708, chiếm 45,50% vốn điều lệ thực góp, tương đương giá trị sổ sách 1 cổ phần là 4.550. Trong tương lai, Công ty vẫn còn tiếp tục hoạt động liên tục hay không phụ thuộc vào sự tài trợ của các nhà đầu tư, khách hàng, ngân hàng và vào sự thành công trong chính sách kinh doanh của Ban điều hành Công ty.

Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập trên giả định Công ty có khả năng hoạt động liên tục.

6. Thay đổi chính sách kế toán: không có.
7. Những thông tin khác: không có

NGƯỜI LẬP

LÊ PHƯỚC LỘC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN TÚ VINH

Bạc Liêu, ngày 18 tháng 01 năm 2019

GIÁM ĐỐC

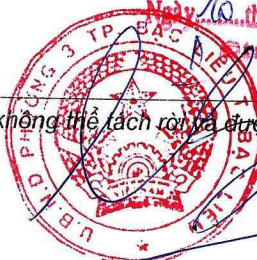


NGUYỄN HỒNG NGHI

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực... 6277... Quyển số... 02/SCT/BS

Ngày 10 tháng 01 năm 2019



Thuyết Minh Tài Chính

